

Bản án số: 26/2022/HSST
Ngày 28-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân tham gia: Ông Bế Ngọc Hùng;
Bà La Thị Huệ.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Triệu Thị Tuyết, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Dư, Kiểm sát viên.

Ngày 28/7/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2022/TLST-HS, ngày 22/4/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐ-ST ngày 16/6/2022 đối với các bị cáo:

1. Triệu Văn T, (tên gọi khác: Không), sinh ngày 01/01/1971 tại BK; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tiểu Khu 2, thị trấn CR, huyện BB, tỉnh BK; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Triệu Thanh V (đã chết), con bà Hoàng Thị L; Vợ là Đặng Anh B, sinh năm 1976, không đăng ký kết hôn, hiện đã bỏ nhau; Có 01 con, sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Năm 1998 bị Tòa án nhân dân (TAND) tỉnh Bắc Giang xử phạt 12 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"; năm 2003 bị TAND tỉnh Bắc Kạn xử phạt 09 tháng tù về tội "Đánh bạc", đã chấp hành xong các Bản án trên và đã được xóa án tích. Bị cáo tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2021 đến ngày 28/01/2022, hiện đang áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa;

2. Nguyễn Duy H, (tên gọi khác: không), sinh ngày 26/4/1990 tại BK; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn NM, xã ĐL, huyện BB, tỉnh BK; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; con ông Nguyễn Duy C, con bà Hoàng Thị N; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/9/2021 đến ngày 28/01/2022, hiện đang áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa;

3. Nông Văn A, (tên gọi khác: Không), sinh ngày 17/11/1986 tại BK; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn NM, xã ĐL, huyện BB, tỉnh BK; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Nông Văn V (đã chết), con bà Nông Thị L; Vợ là Hoàng Thị X, đã ly hôn năm 2019; Có 01 con sinh năm 2011; Tiền án: không; Tiền sự: 01. Ngày 26/8/2015 Công an huyện Ba Bể xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc với số tiền 1.000.000đ, đến ngày 06/12/2021 mới chấp hành xong khoản tiền phạt. Bị cáo tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/9/2021 đến ngày 02/12/2021, hiện đang áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa;

4. Lương Cao K, (tên gọi khác: Không), sinh ngày 05/8/1988 tại BK; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tiểu Khu 1, thị trấn CR, huyện BB, tỉnh BK; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; con ông Lương Văn M, con bà Cao Thị V; Vợ là Ô Thị T; Có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Năm 2013 bị TAND huyện Ba Bể xử phạt 05 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích"; năm 2012 bị Công an huyện Ba Bể xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau, phạt 1.000.000đ, đã chấp hành xong Bản án và Quyết định trên. Bị cáo tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/10/2021 đến ngày 22/12/2021, hiện đang áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa;

5. Bùi Minh H, (tên gọi khác: Không), sinh ngày 29/3/1983 tại BK; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tiểu Khu 4, thị trấn CR, huyện BB, tỉnh BK; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12, con ông Bùi Công Đ, con bà Nguyễn Thị L; Vợ là Trần Thị Thanh H; Có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Năm 2015 bị TAND huyện Ba Bể xử phạt 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội đánh bạc; Năm 2018 bị TAND tỉnh Bắc Kạn xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội đánh bạc; Năm 2011 bị Công an huyện Ba Bể xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc. Đã chấp hành xong các Bản án và Quyết định trên. Bị can tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2021 đến ngày 28/01/2022, hiện đang áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa;

6. Lương Văn Ch, (tên gọi khác: Không); Sinh ngày 04/6/1970 tại CB; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tiểu Khu 3, thị trấn CR, huyện BB, tỉnh BK; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/10; ông Lương Văn D, con bà Chu Thị L (cả hai đều đã chết); Vợ là Trương Thị T; Có 02 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Năm 2005 bị TAND huyện Pác Nặm xử phạt 36 tháng tù về tội vận chuyển trái phép chất ma túy; Năm 2010 bị TAND huyện Pác Nặm xử phạt 03 tháng tù về tội đánh bạc; Năm 2014 bị TAND tỉnh Bắc Kạn xử phạt 15 tháng tù về tội đánh bạc; Năm 2019 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, phạt 2.500.000đ. Bị cáo đã chấp hành xong các Bản án và Quyết định trên. Bị cáo tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2021 đến ngày 28/01/2022, hiện đang áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa;

7. Lý Văn Th, (tên gọi khác: Lý Văn B), sinh ngày 01/5/1977 tại CB; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tiểu Khu 3, thị trấn CR, huyện BB, tỉnh BK; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ

học vấn: 04/12; con ông Lý Văn Ph, con bà Vi Thị T (đã chết); Vợ là Lý Thị Ng; Có 02 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 1998; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Năm 2018 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, mức phạt 1.500.000đ, đã chấp hành xong. Bị cáo tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2021 đến ngày 08/12/2021, hiện đang áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa;

8. Ma Văn T, (tên gọi khác: Không), sinh ngày 25/12/1967 tại BK; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn Nà Dụ, xã BTr, huyện BB, tỉnh BK; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 3/10; con ông Ma Văn K, con bà Triệu Thị Đ; Vợ là Lộc Thị N; Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Năm 2019 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, mức phạt 1.500.000đ, đã chấp hành xong. Bị cáo tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2021 đến ngày 08/12/2021, hiện đang áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa;

9. Nguyễn Văn T, (tên gọi khác: Không), sinh ngày 09/8/1982 tại BK; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn Bản Nản, xã KhN, huyện BB, tỉnh BK; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Đức T, con bà Nguyễn Thị H (Đã chết); Vợ là Hà Thị Ng, Có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Năm 2019 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, mức phạt 1.500.000đ, đã chấp hành xong. Bị can tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2021 đến ngày 08/12/2021, hiện đang áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa;

10. Dương Văn Đ (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 19/4/1972 tại BK; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn Nà Kiêng, xã KhN, huyện BB, tỉnh BK; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; con ông Dương Văn H (đã chết), con bà Dương Thị Ng; Vợ là Hứa Thị H; Có 02 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 1999; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Năm 1998 bị TAND huyện Ba Bể xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Chống người thi hành công vụ, đã chấp hành xong. Bị can tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2021 đến ngày 08/12/2021, hiện đang áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa;

11. Dương Văn T, (tên gọi khác: Không), sinh ngày 30/10/1963 tại BK; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn Bản Nản, xã KhN, huyện BB, tỉnh BK Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/10, con ông Dương Văn V (đã chết), con bà Nguyễn Thị M; Vợ là Dương Thị N; Có 02 con, lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1990; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Năm 2018 bị TAND huyện Ba Bể xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc", bị cáo đã chấp hành xong. Bị can tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/9/2021 đến ngày 08/12/2021, hiện đang áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa;

12. Hoàng Văn Đ, (tên gọi khác: Không), sinh: 14/10/1977 tại BK; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn Nà Cọ, xã KhN, huyện BB, tỉnh BK; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 0/12; con ông Hoàng Văn T (đã chết), con bà Hoàng Thị L; Vợ là Phùng Thị M; Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: không. Bị can tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2021 đến ngày 08/12/2021, hiện đang áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa;

13. Dương Văn H, (tên gọi khác: Không), sinh 21/11/1981 tại BK; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn Nà Kiêng, xã KhN, huyện BB, tỉnh BK; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 2/12; Con ông: Dương Văn Đ, con bà Quan Thị L; Vợ là Hoàng Thị T; Có 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Năm 2019 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, mức phạt 1.500.000đ, đã chấp hành xong. Bị can hiện đang áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa;

14. Triệu Văn Ph, (tên gọi khác: Không), sinh 10/12/1989 tại BK; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn Nà Còi, xã BTr, huyện BB tỉnh BK; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Triệu Văn H (đã chết), con bà Triệu Thị H; Vợ là Bàn Thị Th; Có 03 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: không. Bị can tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2021 đến ngày 08/12/2021, hiện đang áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa;

15. Dương Văn Tr, (tên gọi khác: Không), sinh 25/8/1970 tại BK; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn Pác Nghè, xã KhN, huyện BB, tỉnh BK; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; con ông Dương Văn V (đã chết), con bà Nguyễn Thị M; Vợ là Dương Thị Đ; Có 02 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: không. Bị can tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2021 đến ngày 08/12/2021, hiện đang áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa;

16. Nguyễn Tú A, (Tên gọi khác: Nguyễn Tiến H), sinh 01/3/1986 tại BK; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ 3, phường ĐX, thành phố BK, tỉnh BK; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Tiến D, con bà Lã Thị H; Vợ là Nguyễn Thị Tuyết M; Có 01 con, sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Năm 2012 bị TAND thị xã Bắc Kạn xử phạt 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Có ý gây thương tích", đã chấp hành xong; năm 2019, năm 2020 bị Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đã chấp hành xong Bản án và các Quyết định trên. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2021 đến ngày 02/12/2021. Tuy nhiên, hiện nay bị cáo đang bị tạm giam trong một vụ án khác. Có mặt tại phiên tòa;

17. Mai Văn D, (Tên gọi khác: Không), sinh 27/02/1986 tại NĐ; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ 11C, phường ĐX, thành phố BK, tỉnh BK; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học

vấn: 9/12; Con ông Mai Văn D, con bà Nguyễn Thị C; Vợ là Vũ Thị O; Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2021 đến ngày 01/12/2021, hiện đang áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa;

18. Hà Thị Phương C, (Tên gọi khác: Không), sinh 23/9/1991 tại BK; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn Bản Chang, xã HM, huyện ChM, tỉnh BK; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12; con ông Hà Hữu T (Đã chết), con bà Nông Thị Nh; Chồng là Triệu Văn Ch (Đã ly hôn); Có 01 con, sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2021 đến ngày 08/10/2021, hiện đang áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa;

19. Nông Thị Ng, (tên gọi khác: Không), sinh 26/12/1984 tại CB; Nơi ĐKHKTT: Tổ 5, Phường NgThMKh, thành phố BK, tỉnh BK; Chỗ ở: Tổ 1, Phường SC, thành phố BK tỉnh BK; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Nông Văn H, con bà Đàm Thị L; Chồng là Phạm Minh T, đã ly hôn; Có 01 con sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tạm giữ từ ngày 14/9/2021 đến ngày 22/9/2021, hiện đang áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa;

20. Lê Thị Ánh T, (Tên gọi khác: Không), sinh 30/11/1975 tại ThNg; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ 5, phường PhChK, thành phố BK, tỉnh BK; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12, con ông Lê Thụy Tr (đã chết), con bà Lê Thị D; chồng là Lê Quốc M, sinh năm 1973; Có 02 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2004; Tiền sự: không; Tiền án: 01, năm 2012 bị TAND thị xã Bắc Kạn xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội đánh bạc, đến ngày 13/9/2022 mới chấp hành xong hình phạt bổ sung. Bị cáo tạm giữ từ ngày 11/9/2021 đến ngày 01/12/2021, hiện đang áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa;

21. Hoàng Anh Ph, (Tên gọi khác: Không), sinh 16/5/1960 tại BG Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ 1A, phường ĐX, thành phố BK, tỉnh BK; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/10; con ông: Hoàng Đăng Nh, con bà Nguyễn Thị Kh (cả hai đều đã chết); Vợ là Đinh Thị T; Có 01 con, sinh năm 1985. Tiền án, Tiền sự: không. Nhân thân: Năm 2003 bị TAND thị xã Bắc Kạn xử phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội đánh bạc, đã chấp hành xong. Bị cáo tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2021 đến ngày 01/12/2021, hiện đang áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa;

22. Triệu Ngọc V, (Tên gọi khác: Không), sinh 25/6/1995 tại CB; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm 3, xã ChTr, thành phố CB, tỉnh CB; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12, con ông Triệu Văn Đ, con bà Bé Thị B; vợ là Lương Thị H; Có 01 con sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Năm 2019 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau, phạt 750.000đ, đã chấp hành xong. Bị cáo tạm giữ,

tạm giam từ ngày 23/10/2021 đến ngày 01/12/2021, hiện đang áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa;

23. Hoàng Văn S, (Tên gọi khác: Không), sinh 27/8/1995 tại CB; Nơi ĐHKTT và chỗ ở: Xóm Nà Niễn, xã BD, huyện HA, tỉnh CB; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; con ông Hoàng Văn Q, con bà Hoàng Thị D; vợ là Hoàng Thị T; Con: không có; Tiền án, tiền sự: không. Bị can tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/10/2021 đến ngày 01/12/2021, hiện đang áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Triệu Văn Ph và bị cáo Nguyễn Văn T: Ông Sầm Văn Kính, Trợ giúp viên Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Triệu Văn Ch, sinh năm 1988, trú tại: Thôn Nà Còi, xã BTr, huyện BB, tỉnh BK. Có mặt tại phiên tòa;

2. Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1992, trú tại: Tiểu khu 1, thị trấn CR, huyện BB, tỉnh BK. Có mặt tại phiên tòa;

3. Bà Dương Thị L, sinh năm 1966, trú tại: Thôn Bản Nản, xã KhN, huyện BB, tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 13 giờ 00 ngày 11/9/2021, Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn phối hợp với Công an huyện Ba Bể và chính quyền địa phương kiểm tra tại khu đồi CC thuộc thôn ND, xã BTr, huyện BB, phát hiện 23 người đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, sát phạt nhau được thua bằng tiền. Một số người đã lợi dụng địa hình hiểm trở bỏ chạy, bắt quả tang tại chiếu bạc 15 người gồm: Triệu Văn T, Lý Văn Th, Lương Văn Ch, Bùi Minh H, Dương Văn Tr, Hoàng Văn Đ, Nguyễn Văn T, Dương Văn Đ, Triệu Văn Ph, Ma Văn T, Nguyễn Tú A, Mai Văn D, Hoàng Anh Ph, Lê Thị Ánh T và Hà Thị Phương C.

Tạm giữ trên бат dựa trái để đánh bạc số tiền 14.850.000đ (Mười bốn triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng), 02 bát sứ, 01 đĩa sứ và 04 quân vị bằng tre hình vuông có một mặt đen, một mặt trắng, 01 bảng vị trên mặt có ghi chữ “Sập đôi” và nhiều kí tự không xác định, 02 điện thoại di động cùng một số công cụ, phương tiện phục vụ việc đánh bạc. Kiểm tra, tạm giữ trên người tổng số tiền 30.341.000đ (Ba mươi triệu, ba trăm bốn mươi một nghìn đồng), 13 điện thoại di động các loại và nhiều đồ vật, giấy tờ khác. Phát hiện, tạm giữ tại khu vực xung quanh sỏi bạc 12 xe mô tô các loại.

Cùng ngày khám xét khẩn cấp đối với nơi ở của Lương Văn Ch tại tiểu khu 3, thị trấn CR, huyện BB; Triệu Văn T tại tiểu khu 2, thị trấn CR, huyện BB; Lê Thị Ánh T tại tổ 5, phường PhChK, thành phố BK. Kết quả tạm giữ của Ch số tiền 30.500.000đ (Ba mươi triệu, năm trăm nghìn đồng) cùng một số đồ vật, giấy tờ;

tạm giữ của T số tiền 45.250.000đ (Bốn mươi năm triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) cùng một số đồ vật, tài liệu và 02 chai nhựa có chứa chất lỏng màu hồng nghi là ma túy.

Qua điều tra, 15 người bắt quả tang đều khai nhận được tham gia đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền, trong đó Triệu Văn T giữ vai trò tổ chức đánh bạc, cụ thể: Chuẩn bị bát dứa, địa điểm đánh bạc, bát, đĩa, bố trí người canh giới, gọi điện rủ người khác đến đánh bạc, chuẩn bị các đồ vật phương tiện khác để phục vụ việc đánh bạc và thu tiền hò; Nguyễn Tú A và Bùi Minh H là người xóc cái, những người còn lại tham gia đánh bạc. Mở rộng điều tra xác định vai trò của 08 người bỏ chạy hoặc không có mặt khi bắt quả tang gồm: Nông Văn A, Nguyễn Duy H, Dương Văn T, Nông Thị Ng, Triệu Ngọc V, Hoàng Văn S, Lương Cao K và Dương Văn H. Sau đó, các bị cáo Nông Thị Ng, Dương Văn H và Nông Văn A đã ra đầu thú và khai báo về hành vi đánh bạc.

Về nội dung: Khoảng 12 giờ 00 ngày 11/9/2021, Triệu Văn T đến quán bà Nông Thị L, sinh năm 1963, trú tại thôn NM, xã DL, huyện BB ở khu vực trước cổng Bệnh viện huyện BB để uống nước. Do có ý định tổ chức cho người khác đánh bạc, nên Tuyên đã rủ con trai bà L là Nông Văn A đang có mặt ở quán tham gia canh giới, chỉ đường cho các con bạc đến địa điểm đánh bạc và A đồng ý. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, do trước đó đã được T nói chuyện và thỏa thuận về việc tham gia canh giới, chỉ đường cho xới bạc, nên Nguyễn Duy H đi xe mô tô nhãn hiệu SIRIUS màu đỏ, biển kiểm soát 97F5-9990 đến quán bà L đón T, rồi cùng nhau di chuyển bằng xe mô tô của Hoàn đến khu vực đồi CC thuộc thôn ND, xã BTr, huyện BB để tìm địa điểm tổ chức đánh bạc. Sau khi T và H đi, thì A điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Dream, chiếc xe mô tô trên của khách gửi tại quán nước nên A không nhớ biển kiểm soát và là xe của ai, chờ bà L đến khu vực tổ chức đánh bạc để bà L bán nước cho những người tham gia đánh bạc, còn A canh giới tại khu vực gần nơi tổ chức đánh bạc. Trên đường đi T và H rẽ vào nhà Ma Văn T để lấy bao tải dứa bên trong có chứa bát dứa, dao, bát, đĩa sứ... phục vụ việc đánh bạc mà T để tại sân nhà T từ trước, rồi tiếp tục đi đến khu đồi CC, khi tìm được địa điểm T bảo H: *“Quay xuống, nếu có người thì chỉ đường lên chỗ đánh bạc”*. T lấy dao từ bao tải dứa ra để phát cỏ và lấy bát dứa ra trải xuống đất, đặt bát, đĩa sứ ra bát, rồi gọi điện thoại di động cho Lương Văn Ch, Bùi Minh H, Ma Văn T để chỉ đường đến vị trí đánh bạc. Một lúc sau T một mình đi xe mô tô biển kiểm soát 97B2-045.24 từ nhà đến vị trí tổ chức đánh bạc. Ch rủ Lý Văn Th rồi cùng đi trên xe mô tô nhãn hiệu WAVE màu đen, BKS 97F1-726.66 của Th đến nơi đánh bạc. Trên đường đi Triệu Văn Ph nhìn thấy Ch, nên đã đi theo mục đích tham gia đánh bạc. Khi đến vị trí T đã rải bát sẵn, thì Ch lấy dao của T mang theo để cắt mảnh tre làm thành 04 quân vị. Trong buổi trưa ngày 11/9/2021, khi Lê Thị Ánh T gọi điện thoại để đòi nợ, thì biết được T đang ở khu đồi CC, khi đi đòi nợ, T và Hoàng Anh P cùng thuê xe ô tô taxi, đến nơi thấy tổ chức đánh bạc thì tham gia đánh bạc. Biết thông tin tại thôn ND, xã BTr có hoạt động đánh bạc, nên khoảng 12 giờ 30 phút ngày 11/9/2021 Nguyễn Tú A cùng Hà Thị Phương C, Mai Văn D và Nông Thị Ng rủ nhau thuê xe ô tô taxi từ thành phố BK đến thôn ND để tham gia đánh bạc. Khi đi đến đầu cầu treo thôn ND thì gặp Lương Văn Ch và Lý Văn Th đang điều

khởi xe máy vào sới bạc, nên nhóm của Tú A đi theo đến sới bạc để tham gia đánh bạc. Tại sới bạc, khi mọi người có mặt và bảo xóc cái nên Tú A ngồi xuống tại vị trí đầu của tấm bạt và xóc cái cho mọi người đánh bạc, đồng thời Tú A cũng tự thả tiền để tham gia đánh bạc. Sau khi xóc cái được một lúc thì Bùi Minh H đến và vào thay xóc cái nên Tú A đi ra ngoài ngồi xem.

Quá trình đánh bạc thì những người còn lại lần lượt tự đi đến vị trí tổ chức đánh bạc và tham gia đánh bạc. Cụ thể: Triệu Văn Ph thấy Triệu Văn T và Lương Văn Ch đi vào hướng thôn ND xã BTr nên biết là đi đánh bạc nên Ph điều khiển xe mô tô HONDA WAVE, BKS 97F7-7202 đi theo để tham gia đánh bạc. Khoảng 14 giờ ngày 11/9/2021, Nguyễn Văn T gọi điện thoại hỏi Triệu Văn T thì được Tuyên chỉ địa điểm đánh bạc nên T rủ Dương Văn Đ đi cùng xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RSX, BKS 97B1-441.89 của T đến tham gia đánh bạc. Khoảng hơn 14 giờ ngày 11/9/2021, Bùi Minh H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA WINNER không có BKS đi đến vị trí đánh bạc. Khi đi H gọi điện thoại rủ Triệu Ngọc V và Lương Cao K đến sới bạc để tham gia. Sau khi được Bùi Minh H gọi điện thoại thì Triệu Ngọc V rủ nên Hoàng Văn S sử dụng xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu sơn trắng-đen, biển BKS 97B1-920.70 mượn của Nguyễn Tiến D, sinh năm 1992, trú tại tiểu khu 1, thị trấn ChR, huyện BB rồi chở nhau đi đến sới bạc ở thôn ND mục đích là cho người chơi vay tiền tại sới bạc. Lương Cao K sau nhận được điện thoại của Bùi Minh H thì một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu WAVE ALPHA, BKS 97B1-616.03 từ nhà đi đến sới bạc, mục đích để đánh bạc. Nhưng do không có tiền, nên khi thấy Triệu Văn T nói với các con bạc về việc thu tiền hồ thì K đứng ra xin thu tiền hồ và trang tiền cho các con bạc hồ và T đồng ý. Dương Văn T trong khi đi tìm em trai là Dương Văn Tr thì gặp Hoàng Văn Đ nói là Tr đang ở sới bạc rồi dẫn T đi tìm. Sau đó, Đ gọi điện thoại cho Dương Văn H đến đón, H sử dụng xe mô tô BKS 97F6-7295 chở Đ đi trước còn T sử dụng xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE ALPHA màu xanh, BKS 97B1-435.29 đi theo sau đến sới bạc.

Trong khi đánh bạc thì Triệu Văn T yêu cầu người tham gia phải nộp tiền hồ và nói: *“Thằng nào đánh thì nộp”*. T bảo Bùi Minh H đi thu tiền hồ nhưng H không thu, lúc đó Lương Cao K xin thu tiền hồ giúp nên T đồng ý cho K thu “tiền hồ” và “trang tiền” sau các ván bạc. K được thu tiền hồ của Nguyễn Tú A, Lê Thị Ánh T, Mai Văn D (do Tú A nộp hồ), Lý Văn Th và Hà Thị Phương C mỗi người 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) được tổng cộng 1.000.000đ (Một triệu đồng), K đưa tất cả số tiền thu được cho T.

Hình thức những người đánh bạc là sử dụng một chiếc đĩa sứ đặt ngửa trên bạt, dùng 4 quân bài vị bằng tre mỏng cắt nhỏ hình vuông một mặt bôi đen, một mặt trắng đặt lên trên đĩa rồi úp bát sứ lên 4 quân bài. Sau đó, người cầm cái sẽ cầm bát và đĩa lên để xóc nhiều lần rồi đặt xuống bạt, những người tham gia chơi đặt tiền để đánh với nhau theo hai bên “cửa chắn” và “cửa lẻ”. Sau khi đã đặt tiền xong thì người xóc cái mới mở bát sứ ra để xét bài, nếu quân bài thể hiện 4 quân mặt đen, 4 quân mặt trắng hoặc 2 quân mặt đen, 2 quân mặt trắng là chắn. Nếu quân bài thể hiện 3 quân mặt đen, 1 quân mặt trắng hoặc 3 quân mặt trắng, 1 quân

mặt đen là lẻ. Bên nào đặt tiền nhưng lệch cửa không đúng cửa đánh thì bị thua và mất số tiền đã đặt cho bên thắng.

Về vai trò của từng người và số tiền sử dụng vào việc đánh bạc:

1. Triệu Văn T: Là người trực tiếp đứng ra tổ chức cho các con bạc tham gia đánh bạc, với số tiền thu được trên chiếu bạc là 14.850.000đ. T thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc nhằm mục đích hưởng lợi từ số tiền hồ thu được. T không đặt tiền tham gia đánh bạc với những người chơi. T là người lựa chọn địa điểm, chuẩn bị bát đĩa, bát và thông báo, chỉ đường cho người chơi, phân công người canh giới là Nông Văn A và Nguyễn Duy H, giao cho Lường Cao K giúp thu tiền hồ và trang tiền. Khi bắt quả tang, thì trên người T có số tiền 1.300.000đ là tiền T mang theo và tiền thu hồ K thu đưa cho. T khai K thu hồ được và đưa cho là khoảng 1.000.000đ, nhưng khi bị phát hiện thì T chạy và rơi mất một số tiền không rõ là bao nhiêu và rơi ở đâu;

2. Nguyễn Duy H: Ngày 11/9/2021, Hoàn được Triệu Văn T thuê làm nhiệm vụ canh giới, chỉ đường cho các con bạc đến vị trí đánh bạc. H không đặt tiền tham gia đánh bạc với người khác. Khi H đang canh giới thì sói bạc bị phát hiện bắt quả tang nên H chưa được hưởng lợi từ T;

3. Nông Văn A: Ngày 11/9/2021, A được Triệu Văn T thuê làm nhiệm vụ canh giới, chỉ đường cho người khác vào đánh bạc. Sau khi chỉ đường và tự chở xe ôm thì A đứng canh giới tại khu vực đầu cầu treo ND. Khoảng một giờ sau, khi biết Công an bắt quả tang sói bạc nên A bỏ trốn. Đến ngày 13/9/2021 A đến Công an huyện BB đầu thú và khai báo hành vi của bản thân, A chưa được hưởng lợi từ Triệu Văn T;

4. Lường Cao K: Không được Triệu Văn T thuê hoặc phân công nhiệm vụ, nhưng tại sói bạc, K đã chủ động xin T đứng ra thu tiền hồ của người chơi. Cụ thể K đã giúp thu tiền của Lý Văn Th, Nguyễn Tú A, Lê Thị Ánh T, Mai Văn D (Tú A nộp hồ) và Hà Thị Phương C mỗi người 200.000đ. Sau đó, K đưa lại tất cả số tiền thu được cho T. Tại sói bạc, K còn được giúp trang tiền cho các con bạc sau mỗi ván chơi kết thúc, do xói bạc bị bắt quả tang nên K chưa được hưởng lợi từ T;

5. Bùi Minh H: Ngày 11/9/2021 Triệu Văn T gọi điện thoại rủ H đến đánh bạc. Khi đi H mang theo số tiền 71.000đ. Khi đến sói bạc, H thấy Tú A đang ngồi xóc cái, một lúc sau Tú A không xóc cái nữa nên mọi người bảo H vào thay. Sau khi H xóc cái được khoảng 07 ván thì bị bắt quả tang, H không trả tiền đánh bạc mà chỉ ngồi xóc cái. Về số tiền 71.000đ thì H đã mua nước hết 50.000đ, còn lại 21.000đ bị tạm giữ;

6. Lương Văn Ch: Ngày 11/9/2021, Chung được Triệu Văn T gọi điện thoại rủ đến đánh bạc. Ch là người chủ động lấy dao do T mang đến để làm quân vị phục vụ đánh bạc, Ch còn mang theo 01 (một) bảng vị để đánh bạc và số tiền 700.000đ. Tại sói bạc Ch không nộp tiền hồ, bản thân được trực tiếp trả tiền đánh bạc 02 lần, mỗi lần 300.000đ nhưng đều thua. Khi bắt quả tang, kiểm tra, tạm giữ của Ch số tiền 100.000đ;

7. Lý Văn Th: Thực sử dụng số tiền 2.200.000đ mang theo để đánh và nộp tiền hồ 200.000đ. Sau đó, Th đánh nhiều ván bạc mỗi ván từ 100.000đ đến 500.000đ. Khi bắt quả tang tạm giữ trong người Th: 2.170.000đ;

8. Ma Văn T: T mang theo số tiền 4.500.000đ và sử dụng số tiền 250.000đ, đến khi thua hết số tiền 250.000đ thì T không chơi nữa và đứng lùi ra phía sau xem mọi người chơi. Khi bị bắt quả tang thì trên người T có số tiền 4.250.000đ không sử dụng để đánh bạc;

9. Nguyễn Văn T: T mang theo 7.050.000đ, lúc đánh bạc T lấy ra 300.000đ để đặt cửa 03 lần, mỗi lần 100.000đ, ván thứ nhất T thắng 100.000đ thì nộp tiền hồ 100.000. Sau đó tiếp tục đánh và thua hết số tiền 300.000đ, thì T không chơi và ra phía sau ngồi xem. Khi bị bắt quả tang thì trên người T có số tiền 6.750.000đ không sử dụng để đánh bạc;

10. Dương Văn Đ: Chiều ngày 11/9/2022 Đ được Nguyễn Văn T rủ đánh bạc. Khi đến Đ đứng xem một lúc thì nhặt được 01 tờ tiền mệnh giá 100.000đ và sử dụng để đánh bạc, được khoảng 04 ván thì bị bắt quả tang, Đ được vay 5.000.000đ của Triệu Ngọc V cho Hoàng Văn Đ. Đối với số tiền 5.000.000đ tạm giữ thì Đ khai là tiền cá nhân mang theo, không sử dụng vào việc đánh bạc;

11. Dương Văn T: Ngày 11/9/2021 tại sới bạc, T lấy ra 100.000đ trong số tiền mang theo là 300.000đ để đặt cửa đánh bạc, T đặt cửa được 01 ván 50.000đ thì thua, khi T chuẩn bị thả tiếp tờ tiền 50.000đ xuống chiếu thì bị bắt quả tang, T bỏ chạy và đi về nhà, sau đó Cơ quan điều tra triệu tập làm việc;

12. Hoàng Văn Đ: Ngày 11/9/2021 Đ gặp Dương Văn T đang đi tìm em trai là Dương Văn Tr nên Đ nói với T là: “Chắc Tr đang đi đánh bạc” và do biết địa điểm đánh bạc tại thôn ND, nên Đ dẫn T đi tìm. Sau đó, Đ gọi điện thoại cho Dương Văn H sử dụng xe mô tô BKS 97F6-7295 chở Đ đi trước còn T sử dụng xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE ALPHA màu xanh, BKS 97B1- 435.29 đi theo sau đến nơi đánh bạc. Khi đi Đ mang theo 200.000đ, khi đánh bạc Đ đặt 2 ván, mỗi ván 100.000đ nhưng đều thua, nên Đ hỏi vay của Dương Văn Đ số tiền 5.000.000đ để đánh bạc tiếp. Đ đã hỏi vay của Triệu Ngọc V giúp cho Đ 5.000.000đ, V đồng ý đưa cho Đ 4.750.000đ, giữ lại 250.000đ tiền lãi, Đ cầm tiền rồi đưa cho Đ. Nhưng chưa kịp đánh bạc tiếp thì bị bắt quả tang, Đ bỏ chạy và làm rơi số tiền vừa vay;

13. Dương Văn H: Khi đến địa điểm đánh bạc Triệu Văn T bảo phải nộp 200.000đ tiền hồ, nhưng H không nộp. Sau đó H lấy ra 100.000đ để đặt cửa 2 ván, mỗi ván 50.000đ nhưng đều thua, H đứng xem một lúc và xin được của Hoàng Anh Ph 200.000đ để tham gia đánh bạc, nhưng chưa kịp đánh thì bị bắt quả tang nên H đã bỏ chạy và đi về nhà. Ngày 14/10/2021, H đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai báo về hành vi của bản thân. Số tiền 200.000đ được Ph cho đã sử dụng cá nhân hết.

14. Triệu Văn Ph: Khi đi Ph mang theo số tiền 420.000đ. Tại sới bạc Ph chỉ sử dụng 20.000đ để đánh bạc và đặt cửa 2 ván với bảng vị của Lương Văn Ch, mỗi ván 10.000đ, nhưng đều thua, nên không chơi tiếp mà lùi lại phía sau xem mọi

người chơi đến khi bị bắt quả tang và tạm giữ số tiền 400.000đ Ph không sử dụng để đánh bạc;

15. Dương Văn Tr: Khi đi Tr không đem theo tiền, nên lúc đến sới bạc Tr đã hỏi vay của Triệu Ngọc V 2.500.000đ và được V đưa cho 2.350.000đ, đã trừ 150.000đ tiền lãi. Sau đó, Tr đánh nhiều ván và thắng được số tiền 4.500.000đ, nên Tr đã trả cho V số tiền 2.500.000đ. Còn lại 2.000.000đ Tr cất vào túi áo 1.500.000đ, còn 500.000đ tiếp tục dùng để đánh bạc, khi thua hết thì Tr ra ngoài ngồi xem, đến khi bị bắt quả tang và tạm giữ số tiền 1.500.000đ;

16. Nguyễn Tú A: Khi lên đến sới bạc thì thấy có khoảng 10 người, lúc này Ch đang cắt quân vị thì thấy mọi người đi vào ngồi quây quanh bát đã trải sẵn để đánh bạc. Sau khi Ch cắt quân vị xong, thì Tú A nghe thấy có người nói: “Tú A biết xóc cái thì vào xóc hộ một lúc, tí nữa H lên thì H xóc thay”, Tú A đồng ý ngồi vào vị trí xóc cái cho mọi người đánh bạc. Khi đánh bạc Tú A đã nộp cho Lương Cao K số tiền 600.000đ là tiền hồ của Tú A, Mai Văn D và Lê Thị Ánh T. Quá trình xóc cái, Tú A sử dụng số tiền 3.000.000đ mang theo để vừa xóc cái, vừa đánh bạc. Sau khi đánh thua 2.050.000đ thì Tú A không xóc cái, không đánh bạc nữa mà đi ra ngoài ngồi thì Bùi Minh H vào xóc cái thay, được một lúc thì bị bắt quả tang và Cơ quan điều tra tạm giữ của Tú A số tiền 950.000đ;

17. Mai Văn D: Khi đến sới bạc D mang theo số tiền 300.000đ, sau đó được Tú A cho thêm 200.000đ để D sử dụng đánh bạc, D được thả 04 lần, mỗi lần 100.000đ nhưng đều thua, khi bị bắt quả tang thì D bỏ chạy và làm rơi số tiền 100.000đ;

18. Nông Thị Ng: Khi đi đánh bạc Ng mang theo số tiền 3.000.000đ, tại sới bạc Ng bỏ ra 600.000đ để đánh bạc và thua hết. Đứng xem một lúc, thì Ng một mình đi bộ xuống đồi và ra thị trấn ChR, huyện BB chơi, sau đó Ng về thành phố BK. Đến ngày 14/9/2021, Ng đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai báo;

19. Hà Thị Phương C: Khi đi đánh bạc C cầm theo số tiền 5.000.000đ. Đến sới bạc C bỏ ra 3.000.000đ để đánh bạc, số tiền còn lại cất đi không sử dụng, C đóng tiền hồ 200.000đ. Đánh bạc được một lúc thì bị bắt quả tang và tạm giữ số tiền 4.500.000đ. Trong đó có số tiền 2.500.000đ C sẽ sử dụng vào việc đánh bạc nếu không bị bắt quả tang;

20. Lê Thị Ánh T: Ngày 11/9/2021 T gọi điện cho Triệu Văn T đòi tiền nợ, biết có sới bạc nên T đã rủ Hoàng Anh Ph thuê xe taxi từ thành phố BK lên đánh bạc. Khi đi đánh bạc T mang theo số tiền 3.600.000đ, T sử dụng 200.000đ để đánh bạc, bị thua 200.000đ. Số tiền còn lại 3.400.000đ tạm giữ khi bắt quả tang, T không sử dụng vào việc đánh bạc;

21. Hoàng Anh Ph: Khi đi đánh bạc Ph mang theo số tiền 150.000đ, mua nước uống hết 50.000đ, còn lại là 100.000đ Ph đánh 02 ván, mỗi ván 50.000đ nhưng đều thua nên đã ngồi xem mọi người chơi. Khi ngồi xem, có 02 lần người thắng bạc để rơi tiền nên Ph đã nhặt lên và đưa ra cho H và Triệu Văn T mỗi người 200.000đ (hai trăm nghìn đồng);

22, Triệu Ngọc V: Ngày 11/9/2021 Bùi Minh H gọi điện rủ V đến địa điểm đánh bạc để đầu tư cho các con bạc vay tiền. Khi đánh bạc có Dương Văn Tr hỏi vay tiền của V nhiều lần với số tiền là 25.000.000đ, nhưng V chỉ đưa cho Tr số tiền là 23.750.000.000đ còn 1.250.000 là tiền lãi V giữ lại. Tuy nhiên, Tr khai trong ngày 11/9/2021 tại sới bạc Tr được vay tiền của V 01 lần số tiền là 2.500.000đ, tiền lãi bị V giữ lại là 150.000đ. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa Tr với V nhưng cả hai đều giữ nguyên lời khai đã trình bày. Đến nay, ngoài lời khai của các bị cáo thì không thu được tài liệu, chứng cứ, vật chứng khác xác định số tiền mà V đã cho Tr vay là 25.000.000đ. Căn cứ số tiền thu được trên chiếu bạc và trên người của Tr khi bị bắt quả tang, thì lời khai của Tr về số tiền 2.500.000đ mà Tr đã vay của V để đánh bạc trong ngày 11/9/2021 là có căn cứ. Tại sới bạc V tiếp tục cho Dương Văn Đ vay số tiền 5.000.000đ nhưng chỉ đưa 4.750.000đ, còn 250.000đ là tiền lãi V giữ lại;

23. Hoàng Văn S: Được Triệu Ngọc V rủ đi cùng đến sới bạc, S sử dụng chiếc xe mô tô Yamaha Sirius, BKS 97B1-920.70, mượn của anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1992, trú tại tiểu khu 1, thị trấn CR, huyện BB từ ngày 10/9/2021 để đi lại và để V điều khiển xe chở đi đến nơi đánh bạc. Trên đường đi V đưa cho S cầm chiếc túi giả da, bên trong đựng tiền để khi có người hỏi vay thì V sẽ lấy tiền cho vay. S được lấy tiền đưa cho V để cho người khác vay nhiều lần, nhưng không biết tên người vay và không nhớ số tiền đã cho vay. Khi bắt quả tang sới bạc thì S bỏ chạy và gọi điện thoại cho Nguyễn Tiến D đến đón về.

Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 28.120.000đ (Hai mươi tám triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng). Trong đó: Số tiền tại chiếu bạc là 14.850.000đ (Mười bốn triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng), số tiền sẽ sử dụng vào việc đánh bạc là 12.270.000đ (Mười hai triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng) và tiền hồ là 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Tại Bản cáo trạng số: 15/CT-VKS -P1, ngày 17/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã truy tố các bị cáo Triệu Văn T phạm tội: Tổ chức đánh bạc, theo quy định tại điểm a, d khoản 1 điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015 (BLHS năm 2015). Các bị can Nguyễn Duy H, Nông Văn A và Lương Cao K phạm tội: Tổ chức đánh bạc, theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 322 của BLHS năm 2015.

Điều 322 BLHS năm 2015 có nội dung:

“1. Người nào tổ chức đánh bạc... trái phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Tổ chức cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng để đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên.....

d,....Phân công người canh gác,..... khi đánh bạc....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”

Các bị cáo Bùi Minh H, Lương Văn Ch, Lý Văn Th, Ma Văn T, Nguyễn Văn T, Dương Văn Đ, Dương Văn T, Hoàng Văn Đ, Dương Văn H, Triệu Văn Ph, Dương Văn Tr, Nguyễn Tú A, Mai Văn D, Nông Thị Ng, Hà Thị Phương C, Lê Thị Ánh T, Hoàng Anh Ph, Triệu Ngọc V và Hoàng Văn S đã phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 điều 321 BLHS năm 2015.

Điều 321 BLHS năm 2015 có nội dung:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 triệu đồng”.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo theo điểm, khoản, Điều luật như đã viện dẫn ở trên và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Triệu Văn T từ 15 đến 18 tháng tù, phạt bổ sung từ 30 đến 35 triệu đồng; xử phạt bị cáo Nông Văn A từ 12 đến 15 tháng tù, phạt bổ sung từ 25 đến 30 triệu đồng; xử phạt bị cáo Lê Thị Ánh T từ 07 đến 10 tháng tù, phạt bổ sung từ 10 đến 15 triệu đồng; xử phạt bị cáo Nguyễn Tú A từ 06 đến 09 tháng tù, phạt bổ sung từ 10 đến 15 triệu đồng. Xử phạt bị cáo Lương Cao K từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, phạt bổ sung từ 20 đến 25 triệu đồng; xử phạt bị cáo Bùi Minh H từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, phạt bổ sung từ 10 đến 15 triệu đồng; xử phạt bị cáo Lương Văn Ch từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, phạt bổ sung từ 10 đến 15 triệu đồng; xử phạt bị cáo Lý Văn Th từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, phạt bổ sung từ 10 đến 15 triệu đồng; xử phạt bị cáo Ma Văn T từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, phạt bổ sung từ 10 đến 15 triệu đồng; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, phạt bổ sung từ 10 đến 15 triệu đồng; xử phạt bị cáo Dương Văn Đ từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, phạt bổ sung từ 10 đến 15 triệu đồng; xử phạt bị cáo Dương Văn T từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, phạt bổ sung từ 10 đến 15 triệu đồng; xử phạt bị cáo Dương Văn H từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, phạt bổ sung từ 10 đến 15 triệu đồng; xử phạt bị cáo Hoàng Anh Ph từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, phạt bổ sung từ 10 đến 15 triệu đồng; xử phạt bị cáo Triệu Ngọc V từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, phạt bổ sung từ 10 đến 15 triệu đồng. Xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Duy H từ 50 đến 60 triệu đồng; bị cáo Hoàng Văn Đ từ 30 đến 35 triệu đồng; bị cáo Triệu Văn Ph từ 20 đến 25 triệu đồng; bị cáo Dương Văn Tr từ 25 đến 30 triệu đồng; bị cáo Mai Văn D từ 25 đến 30 triệu đồng; bị cáo Nông Thị Ng từ 25 đến 30 triệu đồng; bị cáo Hà Thị Phương C từ 25 đến 30 triệu đồng; bị cáo Hoàng Văn S từ 25 đến 30 triệu đồng.

- Vật chứng: Tịch thu tiêu hủy các vật chứng không có giá trị. Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 07 điện thoại di động của các bị cáo Triệu Văn T, Lương Cao K, Nguyễn Duy H, Dương Văn Đ, Nguyễn Văn T, Lương Văn Ch, Hoàng Văn Đ và Ma Văn T, 01 điện thoại Masstel màu đỏ gắn sim 0376157865, 01 điện thoại Nokia màu đen gắn sim 0364676005 và 0974933505.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc. Tạm giữ các tài sản của các bị cáo đã bị thu giữ và nộp vào cơ quan Thi hành án dân sự để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo. Các tài sản không liên quan đến việc phạm tội, không cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cần trả lại cho các bị cáo.

Về án phí: Trừ bị các bị cáo Triệu Văn Ph và Nguyễn Văn T, các bị cáo khác phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật trên là đúng người đúng tội, đúng pháp luật không oan. Các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

Người bào chữa cho bị cáo Triệu Văn Ph và bị cáo Nguyễn Văn T nhất trí với nội dung Bản Cáo trạng và Bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật và mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo. Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Ph và bị cáo T với mức hình phạt thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo. Do hai bị cáo trên có đơn, nên đề nghị HĐXX miễn án phí cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với nhau và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định:

Vào khoảng 13 giờ, ngày 11/9/2021 Triệu Văn T thực hiện hành vi tổ chức cho các con bạc bằng hình thức xóc đĩa, được thua bằng tiền tại khu đồi CC thuộc thôn ND, xã BTr, huyện BB, tỉnh BK. Trong đó, T phân công hai người canh giới, dẫn đường, một người thu tiền hồ, trang tiền khi đánh bạc. Đến khoảng 15 giờ 45 phút cùng ngày thì bị Cơ quan Công an kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang về hành vi đánh bạc. Tang vật thu giữ trên chiếu bạc bao gồm: số tiền 14.850.000đ

(Mười bốn triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng) và một số công cụ, phương tiện phục vụ việc đánh bạc.

Vai trò trong việc tổ chức đánh bạc: Bị cáo Triệu Văn T là người đứng ra tổ chức đánh bạc, chủ động lựa chọn địa điểm, chuẩn bị bát, đĩa, bạc, dao phát cỏ và thông báo cho người đến đánh bạc, phân công người canh giới, chỉ đường, thu tiền hồ, trang tiền cho các con bạc sau mỗi ván chơi. Các bị cáo Nguyễn Duy H, Nông Văn A có nhiệm vụ canh giới, chỉ đường. Ngoài ra, A còn thực hiện việc chở xe ôm cho người vào đánh bạc. Lương Cao K thực hiện việc thu tiền hồ và trang tiền cho các con bạc sau mỗi ván chơi theo sự phân công của Triệu Văn T.

Về hành vi đánh bạc: Bùi Minh H mang theo số tiền 71.000đ đến để đánh bạc và tự nguyện thực hiện việc xóc cái, H chưa sử dụng số tiền này để chơi bạc, bị bắt quả tang, tạm giữ số tiền 21.000đ; Lương Văn Ch sử dụng 700.000đ để đánh bạc, thua 600.000đ, còn 100.000đ bị tạm giữ; Lý Văn Th sử dụng 2.200.000đ để đánh bạc, thua 30.000đ, còn 2.170.000đ bị tạm giữ; Ma Văn T sử dụng 250.000đ để đánh bạc, thua hết; Nguyễn Văn T sử dụng 300.000đ để đánh bạc, thua hết; Dương Văn Đ sử dụng 100.000đ để đánh bạc, thua hết; Dương Văn T sử dụng 100.000đ để đánh bạc, thua hết; Hoàng Văn Đ sử dụng 4.950.000đ để đánh bạc, thua 200.000đ, còn 4.750.000đ rơi trong khi bỏ chạy; Dương Văn H sử dụng 300.000đ để đánh bạc, thua 100.000đ, còn 200.000đ đã sử dụng cá nhân hết; Triệu Văn Ph sử dụng 20.000đ để đánh bạc, thua hết; Dương Văn Tr sử dụng 2.350.000đ để đánh bạc, thua 850.000đ, còn 1.500.000đ tạm giữ; Nguyễn Tú A sử dụng 3.000.000đ để đánh bạc, nộp tiền hồ 600.000đ cho Tú A, D, T, thua 1.450.000đ, còn 950.000đ tạm giữ; Mai Văn D sử dụng 500.000đ để đánh bạc, thua 400.000đ, còn 100.000đ rơi trong khi bỏ chạy; Nông Thị Ng sử dụng 600.000đ để đánh bạc, thua hết; Hà Thị Phương C sử dụng 3.000.000đ, nộp tiền hồ 200.000đ, thua 300.000đ, còn 2.500.000đ tạm giữ; Lê Thị Ánh T sử dụng 200.000đ để đánh bạc, thua hết, tạm giữ trên người số tiền 3.400.000đ; Hoàng Anh Ph sử dụng 100.000đ để đánh bạc, thua hết; Triệu Ngọc V có mặt tại sới bạc để đầu tư cho các con bạc vay tiền, cho Dương Văn Đ vay số tiền 4.750.000đ, Dương Văn Tr vay 2.350.000đ, tổng số tiền cho vay là 7.100.000đ; Hoàng Văn S được V rủ đi cùng, trên đường đi đến sới bạc V đưa cho S cầm chiếc túi đựng tiền, khi có ai hỏi vay thì V lấy tiền từ S để cho vay.

Tổng số tiền các bị cáo đánh bạc là 28.120.000đ (Hai mươi tám triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng), trong đó: Thu trên chiếu bạc là 14.850.000đ (Mười bốn triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng), sẽ sử dụng vào việc đánh bạc là 12.270.000đ (Mười hai triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng), tiền hồ là 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Với hành vi nêu trên của các bị cáo, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn truy tố bị cáo Triệu Văn T về tội "Tổ chức đánh bạc" theo quy định tại điểm a, d khoản 1 Điều 322 BLHS năm 2015. Các bị cáo Nguyễn Duy H, Nông Văn A và Nguyễn Cao K phạm tội "Tổ chức đánh bạc" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 BLHS năm 2015. Các bị cáo Bùi Minh H, Lương Văn Ch, Lý Văn Th, Ma Văn T, Nguyễn Văn T, Dương Văn Đ, Dương Văn T, Hoàng Văn Đ,

Dương Văn H, Triệu Văn Ph, Dương Văn Tr, Nguyễn Tú A, Mai Văn D, Nông Thị Ng, Hà Thị Phương C, Lê Thị Ánh T, Hoàng Anh Ph, Triệu Ngọc V và Hoàng Văn S phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật, biết rõ hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, là nguyên nhân làm gia tăng các tệ nạn xã hội khác trên địa bàn. Do vậy, cần buộc các bị cáo phải chịu một hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy:

Về nhân thân: Các bị cáo Nguyễn Duy H, Hoàng Văn Đ, Dương Văn Tr, Triệu Văn Ph, Mai Văn D, Hà Thị Phương C, Nông Thị Ng, Hoàng Văn S đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Các bị cáo Triệu Văn T, Lương Cao K, Bùi Minh H, Lương Văn Ch, Lý Văn Th, Ma Văn T, Nguyễn Văn T, Dương Văn Đ, Dương Văn T, Dương Văn H, Nguyễn Tú A, Hoàng Anh Ph và Triệu Ngọc V có nhân thân xấu. Tuy nhiên, đến thời điểm phạm tội lần này đã được xóa án tích, đã quá thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Được xác định là không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo Lê Thị Ánh T có 01 tiền án; Nông Văn A có 01 tiền sự; Nguyễn Tú A đang bị tạm giam trong một vụ án khác.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lê Thị Ánh T phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015. Các bị cáo khác không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tất cả 23 bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đều thành khẩn khai nhận, ăn năn về hành vi phạm tội đã thực hiện, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015.

Các bị cáo Lý Văn Th, Ma Văn T, Nguyễn Văn T, Hoàng Văn Đ, Dương Văn H, Dương Văn Tr, Triệu Văn Ph, Mai Văn D, Hà Thị Phương C, Nông Thị Ng, Hoàng Văn S, Triệu Ngọc V "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng", nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015.

Bị cáo Dương Văn T được Bộ Quốc phòng tặng 01 Bằng khen, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015.

Các bị cáo Nông Thị Ng, Nông Văn A và Dương Văn H sau khi phạm tội đã ra đầu thú, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

Ngoài ra, bị cáo Triệu Văn T có bố đẻ là ông Triệu Thanh V là Liệt sỹ, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì; Nông Văn A được Lữ đoàn 144 Bộ Tổng tham mưu tặng Giấy khen, ông nội là Nông Phan Ng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba; Lý Văn Th có bố đẻ là Lý Văn Ph được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất; Hoàng Văn S có ông nội là Hoàng Văn Ph được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì; Ma Văn T có bố đẻ là Ma Văn K được tặng thưởng Huân Chương kháng chiến hạng ba; Dương Văn Tr và Dương Văn T có cậu ruột Nguyễn Văn Th là Liệt sỹ, được tặng thưởng Huân, Huy chương; Bùi Minh H có bố vợ là ông Trần Văn Y được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, có ông nội được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì; Lương Văn Ch có bố vợ là Trương Quang Ch được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến và Bộ Quốc phòng tặng Bằng khen; Dương Văn Đ có bố vợ là Hứa Văn L được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang, có ông nội là Dương Ngọc Th được tặng thưởng Huân Chương kháng chiến hạng ba; Dương Văn H có ông nội là Dương Ngọc Th được tặng thưởng Huân Chương kháng chiến hạng ba; Lường Cao K có ông ngoại là Cao Văn B được tặng thưởng Huân chương kháng chiến; Nguyễn Văn T có ông nội Nguyễn Đức H được Nhà nước tặng thưởng Huân Chương kháng chiến; Nông Văn A có ông ngoại Nông Phan Ng được tặng thưởng Huân Chương kháng chiến; Lý Văn Th có bố đẻ là Lý Văn Ph được tặng thưởng Huân chương kháng chiến; Nguyễn Tú A có mẹ được UBND tỉnh Bắc Kạn và Trung ương Đoàn tặng Bằng khen. Do vậy, các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

Đối với bị cáo Hoàng Anh Ph, có xác nhận của nguyên Lãnh đạo Công an thị xã Bắc Kạn, nay đã về hưu (Xác nhận của Công an phường Sông Cầu, thành phố Bắc Kạn), về việc giúp đỡ Công an đấu tranh phòng chống tội phạm. Do vậy, bị cáo Anh được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

Trong quá trình điều tra, truy tố và giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm các bị cáo Lường Cao K đã nộp số tiền 3.000.000đ, Nguyễn Duy H đã nộp số tiền 2.000.000đ, Hoàng Anh Ph đã nộp 10.000.000đ, Hà Thị Phương C nộp số tiền 5.000.000đ, Lê Thị Ánh T đã nộp số tiền 2.000.000đ, Mai Văn D đã nộp 1.000.000đ, Lý Văn Th đã nộp 10.000.000đ, Bùi Minh H đã nộp 3.000.000đ, Lương Văn Ch đã nộp 10.000.000đ tại cơ quan Thi hành án dân sự nhằm để khắc phục hậu quả, đảm bảo việc thi hành án cho các bị cáo. Do vậy, các bị cáo trên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

[4] Xét vai trò và mức độ chịu trách nhiệm hình sự của từng bị cáo:

Đối với hành vi Tổ chức đánh bạc, bị cáo Triệu Văn T giữ vai trò đầu vụ và phải chịu trách nhiệm chính vì T là người đứng ra chọn địa điểm, trực tiếp chuẩn bị các công cụ phương tiện để cho mọi người đánh bạc, phân công nhiệm vụ cho từng người trong sới bạc. Các bị cáo Nông Văn A, Nguyễn Duy H và Lường Cao K là đồng phạm giúp sức cho bị cáo T về tội "tổ chức đánh bạc". Các bị cáo còn lại trực tiếp thực hiện hành vi hoặc đồng phạm với vai trò giúp sức trong việc đánh bạc nên có vai trò tương đương nhau.

Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đều có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hiểu rõ hành vi tổ chức cho người khác đánh bạc và đánh bạc dưới hình thức sạt phạt nhau bằng tiền là vi phạm pháp luật song các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do đó, cần thiết phải có mức hình phạt tương xứng phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Bị cáo Triệu Văn T giữ vai trò đầu vụ, là người chủ mưu cầm đầu; Nông Văn A và Lê Thị Ánh T có nhân thân xấu, hiện còn tiền án, tiền sự; Nguyễn Tú A hiện đang bị tạm giam để điều tra, truy tố trong một vụ án khác. Xét thấy, các bị cáo này không có khả năng tự cải tạo, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung và thể hiện được sự nghiêm minh của pháp luật.

Các bị cáo Bùi Minh H, Lương Văn Ch, Lý Văn Th, Ma Văn T, Nguyễn Văn T, Dương Văn Đ, Dương Văn T, Dương Văn H, Hoàng Anh Ph và Triệu Ngọc V có nhân thân xấu. Tuy nhiên, đến nay không còn tiền án, tiền sự, tội phạm các bị cáo thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, đủ khả năng tự cải tạo, đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Do vậy, chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, buộc các bị cáo cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng là phù hợp và đảm bảo răn đe.

Bị cáo Lường Cao K cũng có nhân thân xấu, nhưng đến nay cũng không còn tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Tuy nhiên, bị cáo K không được Triệu Văn T thuê để tổ chức đánh bạc. Tại sới bạc, K xin thu tiền hồ, trang tiền cho các con bạc và được T đồng ý. Bị cáo K không được hưởng lợi từ việc tổ chức đánh bạc của T, việc K thực hiện tại sới bạc của T không ảnh hưởng nhiều đến hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án. Do vậy, có căn cứ để xác định K là đồng phạm với bị cáo Tuyên, nhưng có vai trò không đáng kể trong vụ án. Bị cáo K cũng có nơi cư trú rõ ràng, đủ khả năng tự cải tạo, đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Do đó, chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng là phù hợp.

Các bị cáo còn lại Nguyễn Duy H, Hoàng Văn Đ, Triệu Văn Ph, Dương Văn Tr, Mai Văn D, Hà Thị Phương C, Nông Thị Ng và Hoàng Văn S đều có nhân thân tốt. Ngoài bị cáo H, các bị cáo khác đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không phải chịu tình tiết tăng nặng, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ổn định đủ khả năng tự cải tạo, mục đích phạm tội của các bị cáo nhằm thu lợi bất chính, nên chỉ cần áp dụng hình phạt tiền cũng đủ sức răn đe đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

5.1 Số tiền 30.500.000đ thu giữ khi khám xét khẩn cấp đối với Lương Văn Ch, Cơ quan điều tra đã làm rõ là tài sản của bà Trương Thị T, là vợ của Ch, nên đã trả lại cho bà T là đúng quy định của pháp luật.

5.2 Số vật chứng thu giữ tại hiện trường vụ án, qua điều tra không xác định được chủ sở hữu. Cần giao cho Phòng Hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau, gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đỏ, đen đã qua sử dụng, máy gắn sim số 0376157865; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, đã qua sử dụng, máy gắn sim số 0364.676.005 và 0974.933.505;

5.3 Số vật chứng không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy;

5.4 Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 14.850.000đ thu giữ tại chiếu bạc. Số tiền 7.220.000đ các bị cáo sẽ sử dụng vào việc đánh bạc. Số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) tiền thu hồ của Triệu Văn T;

5.5 Các vật chứng là phương tiện các bị cáo đã sử dụng vào việc liên lạc thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu giá hóa sung quỹ Nhà nước gồm: 01 điện thoại di động của Lường Cao K; 01 điện thoại di động của Triệu Văn T; 01 điện thoại di động của Nguyễn Duy H 01 điện thoại di động của Dương Văn Đ; 01 điện thoại di động của Nguyễn Văn T; 01 điện thoại di động của Lương Văn Ch; 01 điện thoại di động của Hoàng Văn Đ 01 điện thoại di động của Ma Văn T;

5.6 Trả lại cho các bị cáo và những người liên quan trong vụ án những vật chứng sau:

Trả lại Nguyễn Văn T 01 căn cước công dân; 01 giấy phép lái xe; 01 thẻ ATM; Triệu Văn Ph 01 căn cước công dân; 01 giấy phép lái xe; Lý Văn Th 01 lá bùa; 01 miếng kim loại mỏng, màu vàng; Dương Văn Tr 01 căn cước công dân; 01 giấy phép lái xe; 01 thẻ điều trị; 01 giấy biên nhận bán xe; 01 đăng ký xe và 01 giấy bảo hiểm trách nhiệm dân sự của của xe mô tô BKS 97B1-042.36; Lương Văn Ch 01 căn cước công dân và giấy vay tiền; Lê Thị Ánh T 01 chứng minh thư nhân dân, 01 túi xách và 01 điện thoại di động; Ma Văn T 01 giấy phép lái xe và 01 chứng minh thư nhân dân; Hà Thị Phương C 01 túi xách.

5.7 Vật chứng là tài sản của các bị cáo bị tạm giữ, nhưng không sử dụng vào việc phạm tội, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án, gồm: Các khoản tiền thu giữ và các khoản tiền các bị cáo đã nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự. 01 điện thoại di động của Triệu Văn Ph; 02 điện thoại di động của Hà Thị Phương C; 01 điện thoại di động của Hoàng Anh Ph; 01 điện thoại di động và 01 xe mô tô của Lý Văn Th; 01 điện thoại di động của Nông Thị Ng; 01 điện thoại di động của Dương Văn T; 01 điện thoại di động và 01 xe mô tô của Dương Văn Tr; 01 xe mô tô của Nguyễn Văn T; 01 xe mô tô của Nguyễn Duy H; 01 xe mô tô của Dương Văn H; 01 xe mô tô của Ma Văn T;

5.8 Trả lại cho chủ sở hữu tài sản sau:

- 01 (Một) xe mô tô, nhãn hiệu HONDA WAVE ALPHA màu đỏ, BKS 97F7-7202 , kèm theo xe là giấy đăng ký xe mang tên Triệu Văn Ch. Đây là chiếc xe thuộc quyền sở hữu của anh Triệu Văn Ch (anh trai của Triệu Văn Ph), do bị cáo Ph mượn sử dụng, Chiến không biết Ph sử dụng để đi đánh bạc. Do vậy, cần trả lại cho anh Ch;

- 01 (Một) xe mô tô, nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu trắng, BKS 97B1-920.70. Đây là chiếc xe của Nguyễn Tiến D do bị cáo Hoàng Văn S mượn sử dụng, anh D không biết bị cáo sử dụng để đi đánh bạc. Do vậy, cần trả lại cho anh D;

- 01 (Một) xe mô tô, nhãn hiệu HONDA WAVE ALPHA màu xanh, đã qua sử dụng, BKS 97B1-435.29. Đây là chiếc xe thuộc quyền sở hữu của chị Dương Thị L, do bị cáo T mượn sử dụng, chị L không biết bị cáo T sử dụng để đi đánh bạc, do vậy cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

[6] Áp dụng biện pháp tư pháp:

Buộc bị cáo Hoàng Văn Đ nộp lại số tiền 4.750.000đ (Bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng); Dương Văn H nộp lại số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng); Mai Văn D nộp lại số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) các bị cáo sẽ sử dụng vào việc đánh bạc để sung quỹ Nhà nước.

[7] Nội dung khác của vụ án:

- Đối với việc Nông Văn A chở xe ôm cho các con bạc vào sới đánh bạc. Tại phiên tòa đã làm rõ, A tự quyết định việc chở xe ôm để thu tiền, chứ không được Triệu Văn T phân công làm việc này. Hơn nữa, xe A dùng để chở khách là xe của khách đến quán uống nước, A không biết là xe của ai, có biện kiểm soát như thế nào. Nên Cơ quan điều tra không truy tìm và xử lý đối với chiếc xe trên là có căn cứ;

- Đối với 02 chai nhựa chứa dung dịch ma túy (Methadone) tạm giữ khi khám xét nhà Lê Thị Ánh T, kết quả điều tra xác định: Trong khoảng thời gian đầu tháng 5/2021, T xin được của một người phụ nữ tên là L (không biết họ, tên) trú tại huyện PhY, tỉnh ThNg, mục đích để cho chồng là Lê Quốc M, sinh năm 1972 (ở cùng địa chỉ) sử dụng do M mắc nghiện chất ma túy. Đến ngày 20/5/2021, M đi chấp hành án phạt tù tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Kạn về tội đánh bạc thì 02 (hai) chai ma túy Methadone để trong tủ lạnh không sử dụng. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của T và M với tổng khối lượng ma túy Methadone là 0,304g (không phải ba không bốn gam) chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, quy định tại Điều 249 BLHS năm 2015. Kết quả xác minh về nhân thân T và M hai người chưa có tiền án, tiền sự về ma túy. Ngày 18/01/2022 Giám đốc Công an tỉnh Bắc Kạn đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T và M về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, phạt tiền mỗi đối tượng 1.500.000đ (Một triệu, năm trăm nghìn đồng). T và M đã chấp hành xong việc nộp phạt vi phạm hành chính và không có khiếu nại.

- Đối với bà Nông Thị L: Ngày 11/9/2021 bà L có mặt tại sới bạc ở thôn ND, xã BTr, huyện BB, tỉnh BK để bán nước uống cho các con bạc. Qua điều tra xác định bà L không được Triệu Văn T bảo đến bán nước phục vụ đánh bạc, cũng không tham gia tổ chức đánh bạc và đánh bạc, mục đích chỉ là để thu lợi từ việc bán nước, hành vi không cấu thành tội phạm và vi phạm pháp luật khác. Do đó không xem xét xử lý đối với Nông Thị L là có căn cứ.

- Đối với Triệu Ngọc V và Hoàng Văn S có hành vi cho các đối tượng vay tiền tại sới bạc nhằm thu lợi bất chính, có dấu hiệu của tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, cụ thể: cho Dương Văn Tr vay 2.500.000đ, tiền lãi là 150.000đ; cho Hoàng Văn Đ vay số tiền 5.000.000đ, tiền lãi 250.000đ. Qua điều tra xác định tổng số tiền lãi V và S nhận được là 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng), hành vi trên chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại Điều 201 BLHS năm 2015. Do đó, không xem xét xử lý đối với hành vi cho vay tiền hưởng lãi suất của V và S là đúng quy định.

- Ngày 11/9/2021, các bị cáo Nguyễn Tú A, Mai Văn D, Nông Thị Ng, Hà Thị Phương C khai được thuê xe ô tô taxi đi từ thành phố Bắc Kạn đến thôn ND, xã BTr, huyện BB để đánh bạc. Quá trình điều tra xác định Ng là người đã gọi xe ô tô taxi biển kiểm soát 97A-048.19 do anh Nguyễn Quyết Th, sinh năm 1989, trú tại tổ 5, phường PhChK, thành phố BK là lái xe thuộc hãng taxi Mai Linh Bắc Kạn điều khiển. Anh Th trình bày không biết việc các bị can trên thuê xe taxi để đi đánh bạc và không liên quan đến hành vi của các bị can. Cơ quan điều tra không thu được tài liệu, chứng cứ khác chứng minh Nguyễn Quyết Th có liên quan đến hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc trong ngày 11/9/2021. Do đó, không xem xét xử lý phù hợp với quy định của pháp luật.

- Bị cáo Lê Thị Ánh T và Hoàng Anh Ph khai trong ngày 11/9/2021 được thuê xe ô tô taxi của hãng taxi Hoa Mai do một nam thanh niên khoảng 30 tuổi điều khiển đi từ thành phố BK lên xã BTr, huyện BB để đánh bạc nhưng T và Ph không biết họ tên, tuổi, địa chỉ người lái xe và cũng không nói cho người lái xe biết về mục đích T và Ph đi đánh bạc. Qua điều tra xác minh tại hãng taxi Hoa Mai Bắc Kạn, kết quả không có thông tin liên quan đến việc đưa đón khách trong ngày 11/9/2021 lưu trên hệ thống. Do đó, không có căn cứ xem xét xử lý đối với nội dung này là có căn cứ.

- Căn cứ kết quả tra cứu về tiền án, tiền sự của bị can Triệu Ngọc V xác định trong năm 2017 V bị Công an thành phố CB, tỉnh CB ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Kạn đã ủy thác cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố Cao Bằng thu thập các tài liệu liên quan đến việc xử lý hành chính trên. Kết quả xác minh, trả lời của Cơ quan CSĐT Công an thành phố Cao Bằng là không có tài liệu, hồ sơ của Triệu Ngọc V về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”. Do đó, không đủ cơ sở để xác định về nhân thân của bị can Triệu Ngọc V đối với lần vi phạm trên.

- Quá trình điều tra bị can Nguyễn Tú A khai: Tại sới bạc ngày 11/9/2021 Lương Cao K ngoài việc thu tiền hô và trang tiền cho các con bạc thì còn trực tiếp thả tiền đánh bạc, nhưng K không thừa nhận được thả tiền đánh bạc. Qua điều tra xác định: Tiến hành đối chất giữa Nguyễn Tú A với Lương Cao K nhưng cả hai người đều giữ nguyên lời khai. Đến nay ngoài lời khai của Nguyễn Tú A thì không thu được tài liệu, chứng cứ, vật chứng khác đủ căn cứ chứng minh K được thực hiện hành vi thả tiền đánh bạc trong ngày 11/9/2021. Do đó, không đủ căn cứ xem xét xử lý đối với hành vi đánh bạc của Lương Cao K là có căn cứ.

- Đối với 01 băng vị phát hiện tạm giữ tại sới bạc. Qua điều tra xác định là của Lương Văn Ch, chuẩn bị từ nhà và mang theo để khi đánh bạc có ai tham gia

thì Ch sẽ đánh cùng, việc chuẩn bị bằng vị không bàn bạc với Triệu Văn T, mà Ch tự mang theo và đặt vào sới bạc để xem có ai tham gia thì chơi. Trong đó bị can Triệu Văn Ph thừa nhận được thả 02 lần tiền, mỗi lần 10.000đ (mười nghìn đồng) vào bằng vị để đánh với Ch nhưng không trúng, nhưng Ch không thừa nhận. Căn cứ tài liệu điều tra thu thập được thấy mục đích hành vi của Lương Văn Ch chỉ là đánh bạc và đã bị xử lý, hành vi trên không đồng phạm với Triệu Văn T về vai trò tổ chức. Do đó, không xem xét xử lý đối với nội dung trên của Ch là phù hợp.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đối với bị cáo Triệu Văn Ph và Nguyễn Văn T, là dân tộc thiểu số sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn đề nghị, nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Triệu Văn T, Nguyễn Duy H, Nông Văn A và Lương Cao K phạm tội "Tổ chức đánh bạc"; Các bị cáo Bùi Minh H, Lương Văn Ch, Lý Văn Th, Ma Văn T, Nguyễn Văn T, Dương Văn Đ, Dương Văn T, Hoàng Văn Đ, Dương Văn H, Triệu Văn Ph, Dương Văn Tr, Nguyễn Tú A, Mai Văn D, Nông Thị Ng, Hà Thị Phương C, Lê Thị Ánh T, Hoàng Anh Ph, Triệu Ngọc V và Hoàng Văn S phạm tội "Đánh bạc".

1.1 Áp dụng điểm a, d khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Triệu Văn T 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2021 đến ngày 28/01/2022. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước;

1.2 Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Nông Văn A 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/9/2021 đến ngày 02/12/2021. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước;

1.3 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tú A 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2021 đến ngày 02/12/2021. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước;

1.4 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Lê Thị Ánh T 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2021 đến ngày 01/12/2021. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước;

1.5 Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 65 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Lương Cao K 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi tư) tháng.

Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn ChR, huyện BB, tỉnh BK giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước;

1.6 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Bùi Minh H 07 (Bẫy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND thị trấn ChR, huyện BB, tỉnh BK giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước;

1.7 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Lương Văn Ch 07 (Bẫy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND thị trấn ChR, huyện BB, tỉnh BK giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước;

1.8 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Lý Văn Th 07 (Bẫy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND thị trấn ChR, huyện BB, tỉnh BK giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước;

1.9 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Ma Văn T 07 (Bẫy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã BTr, huyện BB, tỉnh BK giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước;

1.10 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 07 (Bẫy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã KhN, huyện BB, tỉnh BK giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước;

1.11 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Dương Văn Đ 07 (Bẫy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã KhN, huyện BB, tỉnh BK giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước;

1.12 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Dương Văn T 07 (Bẫy) tháng tù

nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã KhN, huyện BB, tỉnh BK giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước;

1.13 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Dương Văn H 07 (Bẫy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã KhN, huyện BB, tỉnh BK giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước;

1.14 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Hoàng Anh Ph 07 (Bẫy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND phường DX, thành phố BK, tỉnh BK giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước;

1.15 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 65 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Triệu Ngọc V 07 (Bẫy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã ChTr, thành phố CB, tỉnh CB giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước;

Trường hợp các bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của của Bản án trước và tổng hợp với hình phạt của Bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS năm 2015.

1.16 Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 35 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy H 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng);

1.17 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Đ 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng);

1.18 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Triệu Văn Ph 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng);

1.19 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Dương Văn Tr 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng);

1.20 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Mai Văn D 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng);

1.21 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Hà Thị Phương C 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng);

1.22 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Nông Thị Ng 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng);

1.23 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn S 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

2. Vật chứng: *Áp dụng Điều 47 BLHS năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:*

2.1 Giao cho Phòng Hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau, gồm: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đỏ, đen đã qua sử dụng, máy gắn sim số 0376157865; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, đã qua sử dụng, máy gắn sim số 0364.676.005 và 0974.933.505;

2.2 Tịch thu tiêu hủy các vật chứng không có giá trị, gồm: 01 (một) thùng giấy niêm phong, kí hiệu “CB”, bên trong có: 01 (một) đĩa sứ màu trắng, đã qua sử dụng; 02 (hai) bát con bằng sứ màu trắng, quanh bát có họa tiết hoa văn, bát cũ đã qua sử dụng và bị nứt, mẻ; 04 (bốn) quân vị bằng tre, hình vuông có một mặt tô đen; 01 (một) tờ giấy ghi các con số và kí hiệu; 01 (một) bảng vị bằng giấy, trên có các kí hiệu chữ);

01 (một) bát dừa cũ, đã qua sử dụng, một mặt màu xanh, một mặt màu cam, kích thước 3,1m x 3,9m; 01 (một) bát dừa sọc xanh, đỏ, trắng, kích thước 1,6m x 0,2m. Bát đã qua sử dụng và bị rách; 01 (một) bao tải dừa, màu xanh, đã qua sử dụng và bị rách; 01 (một) cuộn dây dừa màu đỏ, đã sử dụng dở; 01 (một) dao nhọn kim loại màu đen, cán cầm bằng sắt; 02 (hai) chiếc ghế nhựa dạng ghế con; 01 (một) ví giả da màu đen, trên có ghi dòng chữ Levi's, ví đã rách nát của Triệu Văn Phú; 01 (Một) chiếc túi giả da, loại túi đeo, màu đen đã qua sử dụng của Triệu Ngọc Văn.

2.3 Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 14.850.000đ (Mười bốn triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng) thu giữ tại chiếu bạc; số tiền 7.220.000đ (Bảy triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng) các bị cáo sẽ sử dụng vào việc đánh bạc, cụ thể: 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) của Lương Văn Ch; 2.170.000đ (Hai triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng) của Lý Văn Th; 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) của Dương Văn Tr; 950.000đ (Chín trăm năm mươi nghìn đồng) của Nguyễn Tú A; 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) của Hà Thị Phương C. Số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) tiền thu hồ của Triệu Văn T;

2.4 Tịch thu giá hóa sung quỹ Nhà nước các vật chứng là phương tiện các bị cáo đã sử dụng vào việc liên lạc thực hiện hành vi phạm tội, gồm: 01 (Một) điện

thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, loại điện thoại bàn phím số bên trong có lắp sim số 0966.911.662 của Lường Cao K; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6S, màu hồng, đã qua sử dụng, gắn số sim 0965.828.116 của Triệu Văn T; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, màu đen, loại điện thoại bàn phím số đã qua sử dụng, máy lắp sim số 0349.021.000 của Nguyễn Duy H; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3s màu đen, máy có gắn sim số 0359.874.668 của Dương Văn Đ; 01 (Một) điện thoại di động đã qua sử dụng, loại máy bàn phím số có vỏ màu vàng, mặt sau điện thoại có chữ VERTU S-818772, máy gắn sim số 0353.804.688 của Nguyễn Văn T; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5, màu đen, máy có gắn số sim 0989.808.846 Lương Văn Ch; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9, màu xanh đen, máy có gắn 2 số sim 0394.852.420 và 0869.862.712 của Hoàng Văn Đ; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 150, màu đen, máy đã qua sử dụng, máy có gắn số sim 0394.409.248 của Ma Văn T.

2.5 Trả lại cho các bị cáo và những người liên quan trong vụ án những vật chứng sau:

- Trả lại bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) căn cước công dân; 01 (Một) giấy phép lái xe hạng A1; 01 (Một) thẻ ATM ngân hàng Agribank tất cả đều mang tên Nguyễn Văn T;

- Trả lại cho bị cáo Triệu Văn Ph 01 (một) căn cước công dân; 01 (Một) giấy phép lái xe đều mang tên Triệu Văn Ph;

- Trả lại cho bị cáo Lý Văn Th 01 (Một) lá bùa bằng giấy ép nilon, nền màu vàng có họa tiết hình người và chữ không rõ hình; 01 (Một) miếng kim loại mỏng, màu vàng hình chiếc lá;

- Trả lại cho bị cáo Dương Văn Tr 01 (Một) căn cước công dân; 01 (một) giấy phép lái xe; 01 (Một) đăng ký xe và 01 (Một) giấy bảo hiểm trách nhiệm dân sự của của xe mô tô BKS 97B1-042.36 tất cả đều mang tên Dương Văn Tr; 01 (Một) thẻ điều trị; 01 (Một) giấy biên nhận bán xe đề ngày 05/8/2021;

- Trả cho bị cáo Lương Văn Ch 01 (Một) phong bì niêm phong bên trong có căn cước công dân mang tên Lương Văn Ch và giấy vay tiền tạm giữ tại nhà Lương Văn Ch;

- Trả cho bị cáo Lê Thị Ánh T 01 (Một) chứng minh thư nhân dân mang tên Lê Thị Ánh T; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12 PRO MAX màu trắng, máy đã qua sử dụng, có gắn sim số 0364.026.620 và 01 (Một) túi đeo chéo màu đen có họa tiết hoa văn màu vàng, mặt trước túi có chữ VERSACE JEASN COUTURE;

- Trả cho bị cáo Hà Thị Phương C 01 (Một) túi xách giả da, màu đen, mặt trước túi có chữ Dior màu vàng, túi đã qua sử dụng;

- Trả cho bị cáo Ma Văn T 01 (Một) giấy phép lái xe và 01 (Một) chứng minh nhân dân đều mang tên Ma Văn T;

- Trả lại cho anh Triệu Văn Ch 01 (Một) xe mô tô, nhãn hiệu HONDA WAVE ALPHA màu đỏ, BKS 97F7-7202, kèm theo xe là giấy đăng kí xe;
- Trả lại cho anh Nguyễn Tiến D 01 (Một) xe mô tô, nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu trắng, BKS 97B1-920.70;
- Trả lại cho bà Dương Thị L 01 (Một) xe mô tô, nhãn hiệu HONDA WAVE ALPHA màu xanh, đã qua sử dụng, BKS 97B1-435.29.

2.6 Tạm giữ để đảm bảo thi hành án các vật chứng là tài sản của các bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội, gồm:

- Tạm giữ các khoản tiền sau: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) thu giữ trên người của Triệu Văn T; 3.400.000đ thu giữ trên người và 45.850.000đ thu giữ khi khám nhà, tổng cộng là 49.250.000đ (Bốn mươi chín triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) của Lê Thị Ánh T; 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) của Triệu Văn Ph; 5.000.000đ (Năm triệu đồng) của Dương Văn Đ; 2.000.000đ (Hai triệu đồng) của Hà Thị Phương C; 4.250.000đ (Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) của Ma Văn T; 21.000đ (Hai mươi một nghìn đồng) của Bùi Minh H; 6.750.000đ (Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) của Nguyễn Văn T;

- Các khoản tiền các bị cáo đã nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự: 5.000.000đ (Năm triệu đồng) Hà Thị Phương C đã nộp tại Cục thi hành án dân sự theo biên lai số 0000032 ngày 18/4/2022; 2.000.000đ (Hai triệu đồng) Nguyễn Duy H đã nộp tại Cục thi hành án dân sự theo biên lai số 0000039 ngày 04/5/2022; 3.000.000đ (Ba triệu đồng) Lương Cao K đã nộp tại Cục thi hành án dân sự theo biên lai số 0000047 ngày 01/6/2022; 10.000.000đ (Mười triệu đồng) Hoàng Anh Ph đã nộp tại Cục thi hành án dân sự theo biên lai số 0000011 ngày 09/12/2021 và biên lai số 0000061 ngày 21/7/2022; 1.000.000đ (Một triệu đồng) Mai Văn D đã nộp tại Cục thi hành án dân sự theo biên lai số 0000069 ngày 27/7/2022; 10.000.000đ (Mười triệu đồng) Lý Văn Th đã nộp tại Cục thi hành án dân sự theo biên lai số 0000066 ngày 22/7/2022; 10.000.000đ (Mười triệu đồng) Lương Văn Ch đã nộp tại Cục thi hành án dân sự theo biên lai số 0000065 ngày 22/7/2022; 3.000.000đ (Ba triệu đồng) Bùi Minh H đã nộp tại Cục thi hành án dân sự theo biên lai số 0000068 ngày 27/7/2022; 2.000.000đ (Hai triệu đồng) Lê Thị Ánh T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn theo biên lai số 0000446 ngày 13/9/2021;

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI REDMI 6A, màu đen, máy đã qua sử dụng, gắn sim số 0972.919.746 của Triệu Văn Ph;

- 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE XS MAX màu vàng, máy đã qua sử dụng, có gắn sim số 0326.812.832 và 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 12 PRO MAX màu vàng, máy đã qua sử dụng, có gắn sim số 0988.029.213 của Hà Thị Phương C;

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu REALME, màu xanh, đã qua sử dụng, gắn số sim 0988.154.297 của Hoàng Anh Ph;

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO 1906, loại máy cảm ứng đã qua sử dụng, có gắn 2 số sim 0972.585.216 và 0337.652.729 và 01 (Một) xe mô

tô, nhãn hiệu HONDA WAVE màu đen, biển kiểm soát 97B1-726.66 của Lý Văn Th.

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, loại điện thoại bàn phím số bên trong có lắp sim số 0972931650 của Nông Thị Ng;

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu đen, loại màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, niêm phong trong túi niêm phong mã số PS3 1911746 của Dương Văn T;

- 01(Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5 2020, kiểu máy CPH 1931, màu đen, máy đã qua sử dụng, có gắn số sim 0967.256.241 và 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 97B2-074.56, kèm theo là đăng ký xe và bảo hiểm trách nhiệm dân sự của xe trên của Dương Văn Tr.

- 01 (Một) xe mô tô, nhãn hiệu HONDA WAVE RSX, màu đen đỏ, đã qua sử dụng, BKS 97B1-441.89 kèm theo xe là giấy đăng kí xe và giấy bảo hiểm trách nhiệm dân sự của xe trên của Nguyễn Văn T;

- 01 (Một) xe mô tô, nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu đỏ, BKS 97F5-9990; của Nguyễn Duy H;

- 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu đen, đã qua sử dụng, BKS 97F6-7295 của Dương Văn H;

- 01 (Một) xe mô tô, nhãn hiệu HONDA BLADE màu xanh đen, BKS 97B2-045.24, kèm theo xe là đăng kí xe và bảo hiểm trách nhiệm dân sự của Ma Văn T.

(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản bàn giao giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn và Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn).

3. Áp dụng biện pháp tư pháp:

Buộc bị cáo Hoàng Văn Đ nộp lại số tiền 4.750.000đ (Bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng); Dương Văn H nộp lại số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng); Mai Văn D nộp lại số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Triệu Văn T, Nguyễn Duy H, Nông Văn A, Lường Cao K, Bùi Minh H, Lương Văn Ch, Lý Văn Th, Ma Văn T, Dương Văn Đ, Dương Văn T, Hoàng Văn Đ, Dương Văn H, Dương Văn Tr, Nguyễn Tú A, Mai Văn D, Nông Thị Ng, Hà Thị Phương C, Lê Thị Ánh T, Hoàng Anh Ph, Triệu Ngọc V và Hoàng Văn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Nguyễn Văn T và Triệu Văn Ph không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh;
- Phòng Hình sự Công an tỉnh;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- THAHS;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Khánh Phương